

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024 - 2025
(Áp dụng từ 06/09/2024) Từ tuần 1 đến)

B1	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CM ĐT	Phân công chuyên môn học kỳ I, Năm học 2024-2025	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CĐ	ĐH					
1	Nguyễn Ngọc Thanh	1/8/1971		X	GD	GDTC 6A2, 6A3, 6A4 (6)		6	
2	Lê Nho Tập	7/29/1978		X	CNTT	Tin học 6 (4); Tin 7 (4); Tin 8 (3); Tin 9 (3)		14	
3	Nguyễn Thị Hiền	8/9/1976		X	Hoá	KHTN 7, 8, 9 phân môn Hóa; KHTN 6A1 (4) HĐTN, HN 8C2 (3)	TTCM (3); CN 8C2 (4)	27	
4	Nguyễn Thị Thía	12/27/1970		X	TD	GDTC 9 (6); GDTC 8 (6); GDTC 7B1, 7B2, 7B3 (6); GDTC 6A1 (2)	TTND (2)	22	
5	Nguyễn Thị Huyền Lương	10/8/1989	X		Sinh-TD	GDTC 7B4 (2); HĐTN, HN 7B4 (3); KHTN 7, 8, 9 phân môn Sinh; KHTN 6A4 (4)	CN 7B4 (4)	26	
6	Hà Kiều Oanh	03/02/1996		X	Toán	Toán 6A2, 6A3 (8) Nhạc 6 (4) Toán 8C1 (4) HĐTN, HN 6A2 (3); HĐTN, HN 8C3 (3)	CN 6A2 (4) TKHD (2)	28	
7	Nguyễn Thị Hương Thùy			X	Toán	Toán 9D1 (4); Toán 7B1, 7B2 (8); HĐTN, HN 7B2 (3); Công nghệ 6 (4) HĐTN, HN 6A3 (3)	CN 7B2 (4); UV CĐ (1)	27	

B1	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CM ĐT	Phân công chuyên môn học kỳ I, Năm học 2024-2025	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CĐ	ĐH					
8	Vũ Thị Hiền			X	Toán	Toán 7B3, 7B4 (8); Toán 8C2, 8C3, (8) Công nghệ 9 (3); Công nghệ 8 (4,5)	CN 8C3 (4)	27.5	
9	Hoàng Thị Nghệ	7/14/1990		X	Toán - Tin	Toán 6A1, 6A4 (8) Toán 9D2, 9D3 (8); HĐTN, HN 9D3 (3)	CN 9D3 (4) Tổ phó (1) CNTT (2)	26	
10	Đỗ Quỳnh Hương	01/04/1997		X	Vật lý	KHTN 7, 8, 9 phân môn Lí; KHTN 6A2, 6A3 (8) HĐTN, HN 7B3 (3);	CN 7B3 (4);	27	
11	Đỗ Thị Tuyết Lan	10/25/1972		X	GD&ĐT, (S-H-Đ)	LS-ĐL (phân môn Địa lí 6, 7, 8, 9) Công nghệ 7 (4)		25	GD&ĐT (chủ đề 2)
12	Nguyễn Thị Lan	9/30/1973		X	Ngữ văn	Văn 6A4 (4); 8C3 (4); LS-ĐL_Sử 6A1, 6A4 (3); GD&ĐT 7B1, 7B2 (2); GD&ĐT 6A4 (1); HĐTN, HN 6A4 (3)	CN 6A4 (4); TTCM (3)	26	GD&ĐT (chủ đề 1)
13	Nguyễn Thị Thu Hà	9/23/1984		X	Ngữ văn	Văn 7B1 (4); Văn 9D1 (4); GD&ĐT 6 (4) GD&ĐT 9 (3); HĐTN, HN 7B1 (3); GD&ĐT 7B1, 7B2 (2)	CN 7B1 (4);	24	GD&ĐT (chủ đề 1)
14	Nguyễn Thị Tuyết Mai	11/14/1980		X	Ngữ văn	Văn 6A1 (4); 7B2 (4) LS-ĐL_Sử 7B1, 7B2, 7B3, 7B4 (6) GD&ĐT 8C1, 8C2, 8C3 (3); HĐTN, HN 6A1 (3) GD&ĐT 6A1, 6A2 (2)	CN 6A1 (4);	26	GD&ĐT (chủ đề 1)

B1	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CM ĐT	Phân công chuyên môn học kỳ I, Năm học 2024-2025	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CĐ	ĐH					
15	Phạm Thị Tuyết Ngọc	1/24/1975		X	Ngữ văn	Văn 7B3 (4); Văn 8C1 (4) LS-ĐL 8_Sử 8C1, 8C2, 8C3 (4,5); HĐTN, HN 8C1 (3); Nhạc 8 (3)	CN 8C1 (4); PCTCĐ (3)	25.5	
16	Lê Thị Phụng	11/15/1973		X	Ngữ văn	Văn 8C2 (4); Văn 6A3, 6A4 (8) LS-ĐL_Sử 6A2, 6A3; (3) LS-ĐL 9_Sử (4,5); GDĐP 6A3 (1); GDĐP 7B3, 7B4 (2);	CN 6A3 (4);	26.5	GDĐP (chủ đề 1)
17	Mạc Thị Duyên			X	Ngữ văn	Văn 9D2, 9D3 (8); Văn 7B4 (4); GDĐP 8 (3) GDĐP 7B3, 7B4 (2); HĐTN, HN 9D2 (3); Nhạc 9 (3)	CN 9D2 (4)	27	GDĐP dạy Chủ đề 1
18	Nguyễn Thị Thương	6/28/1980		X	Mỹ thuật	MT khối 6 (4); MT khối 7 (4); MT khối 8 (3); MT khối 9 (3);	TPT (9,5)	23.5	
19	Nguyễn Thế Hoan	4/16/1975		X	T.Anh	T.Anh khối 6 (12); T.Anh khối 7 (12); Nhạc 7 (4)		28	
20	Hoàng Thị Lan Hương	4/27/1977		X	T.Anh	T.Anh khối 8 (9); T.Anh khối 9 (9); HĐTN, HN 9D1 (3)	Tổ phó (1) CN 9D1 (4)	26	

Ghi chú:

BỘ PHẬN CHUYÊN MÔN

B1	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CMĐT	Phân công chuyên môn học kỳ I, Năm học 2024-2025	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CĐ	ĐH					

